TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 5 – 2019
"Về việc: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Ngọc Luận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng

2. ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên toà.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Duy Đ, sinh năm 1985 – có mặt

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Dương Thúy V, sinh năm 1982 – vắng mặt

Nơi cư trú: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Duy Đ trình bày:

Vào năm 2008 do quen biết nên đã tiến đến hôn nhân với chị Dương Thúy V, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, thời gian hạnh phúc gần 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi và không còn tình cảm, nên từ đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 08 năm 2018 cho đến nay không về đoàn tụ lại.

- Về con chung: Anh Đ trình bày có 02 người con chung là cháu Bùi Vân A, sinh ngày 10/02/2010 và Bùi Phương A, sinh ngày 26/3/2012, hiện nay anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh Đ yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị V.

- Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là cháu Bùi Vân A, sinh ngày 10/02/2010 và Bùi Phương A, sinh ngày 26/3/2012. Không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị V: Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: đã được công bố ngày ngày 18/4/2018

- *Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*:

+ Về hôn nhân: Anh Đ và chị V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Tam Bình đây là hôn nhân hợp pháp.

+ Về con chung: Anh Đg trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Vân A, sinh ngày 10/02/2010 và Bùi Phương A, sinh ngày 26/3/2012. Theo Giấy khai sinh của cháu Vân A, cháu Phương A do anh Đ giao nộp cho Tòa án thì xác định anh Đ và chị V là cha, mẹ ruột của cháu Bùi Vân A, sinh ngày 10/02/2010 và Bùi Phương A, sinh ngày 26/3/2012.

- *Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất*:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và qua hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng chị V xin vắng mặt và không có ý kiến gì bằng văn bản và cũng không đến tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị V; về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là cháu Bùi Vân A, sinh ngày 10/02/2010 và Bùi Phương A, sinh ngày 26/3/2012, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét về hôn nhân: Anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị V là có cơ sở xem xét. Bởi vì, anh Đ khai là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cải, vợ chồng đã ly thân từ tháng 08 năm 2018 cho đến nay không về đoàn tụ được với nhau.

Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ;

[4] Xét về con chung: Anh Đ yêu cầu nuôi dưỡng cháu Bùi Vân A, sinh ngày 10/02/2010 và Bùi Phương A, sinh ngày 26/3/2012, Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của anh Đ là có cơ sở xem xét. Bởi lẽ, hiện nay cháu Bùi Vân A, sinh ngày 10/02/2010 và Bùi Phương A, sinh ngày 26/3/2012 do anh Đ nuôi dưỡng và cháu Vân A, cháu Phương A có bản khai ý kiến sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng sống chung anh Đ. Do vậy. Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin nuôi con của anh Đ là có căn cứ pháp luật.

Vậy tiếp tục giao cháu Bùi Vân A, sinh ngày 10/02/2010 và Bùi Phương A, sinh ngày 26/3/2012cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[5] Xét về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0011515 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Bùi Duy Đ.

- Về hôn nhân: Anh Bùi Duy Đ được ly hôn với chị Dương Thúy V.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Bùi Vân A, sinh ngày 10/02/2010 và Bùi Phương A, sinh ngày 26/3/2012 cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0011515 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
-Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Ngọc Luận